TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST

Ngày 28-5-2019

"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoan và bà Nguyễn Thị Hồng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hiên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1995;

ĐKHKTT (tại thời điểm khởi kiện): khu A, thị trấn T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: thôn Q, xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Dương Văn H**, sinh năm 1990;

ĐKHKTT: khu A, thị trấn T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Chị N có mặt, anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị và anh Dương Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện Tứ Kỳ ngày 25/02/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh H. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau cách sống, sinh hoạt, bên cạnh đó vợ chồng không có con, anh H hay nghe người khác bàn tán nhiều dẫn đến về nhà thường xuyên có những lời nói xúc phạm, đổ lỗi cho chị, chị có trao đổi vợ chồng khó đẻ thì đi chữa trị nhưng anh H không quan tâm, bỏ mặc chị chữa trị thế

nào thì chữa. Bên cạnh đó anh H là người chơi bời dẫn đến nợ nần nhiều trong khi vợ chồng không xây dựng, kiến thiết được gì nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Do không thể chịu đựng được cuộc sống không có hạnh phúc nên từ ngày 30/4/2018, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Q, xã T sinh sống. Anh H có 2 lần xuống tìm chị về đoàn tụ nhưng chị cương quyết không về, từ đó vợ chồng cũng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được. Vì vậy, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để hai bên ổn định cuộc sống.

+ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đến gia đình anh H để tống đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác của Toà án cho bị đơn nhưng anh H không có mặt ở nhà. Toà án đã giao Thông báo thụ lý vụ án cho bà Lê Thị K (là mẹ đẻ anh H) nhận thay, bà K đã thông báo cho anh H biết toàn bộ nội dung Thông báo thụ lý vụ án của TAND huyện Tứ Kỳ, các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị N và giấy triệu tập anh H đến Tòa án làm việc.

Kết quả làm việc với bà K xác định: Chị N và anh H kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở cùng với gia đình bà, cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng kết hôn từ năm 2013 nhưng mãi không có con, mặc dù đã đi khám, chữa trị nhiều nơi nhưng vẫn không thể có con do chị N khó sinh nở, gia đình bà đã động viên nhiều nhưng anh chị vẫn buồn phiền, chán nản, vợ chồng mỗi người một suy nghĩ và không còn quan tâm đến nhau. Đến năm 2017, bà không biết nguyên nhân vì sao chị N đã tự thu dọn tư trang về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó chị N quay lại nói chuyện với vợ chồng bà là do vợ chồng không có con, hôn nhân không có hạnh phúc, không thể sống cùng nhau, mặc dù vợ chồng bà đã động viên, khuyên giải nhưng chị N không nghe. Thời gian đầu vợ chồng ly thân, anh H nhiều lần đi tìm gặp chị N nhưng chị ấy đều tránh mặt, sau đó anh H cũng không tìm chị N nữa. Khi Toà án về gia đình giao Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho anh H, do anh H đi làm không có nhà nên khi anh H về nhà, bà đã giao toàn bộ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án cho anh H biết, anh H có trao đổi với bà do vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn được nên nhất trí ly hôn với chị N. Hiện anh H đi làm công ty trên TP Hải Dương, sáng đi tối về, công việc bận nên không đến Tòa án làm việc và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Là bậc cha mẹ ai cũng mong muốn các con mình hạnh phúc, nếu chị N cương quyết xin ly hôn anh H, gia đình bà nhất trí và đề nghị Tòa àn giải quyết cho anh chị ly hôn. Anh H, chị N không có con chung, tài sản chung nên Tòa án không phải giải quyết. Khi Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, bà có trách nhiệm nhận thay và cam đoan giao lại cho anh H. Toà án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập anh H đến phiên toà vào hồi 07 giờ, ngày 22-5-2019 nhưng anh H vắng mặt. Toà án hoãn phiên toà và triệu tập anh H đến phiên toà vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 28-5-2019, nhưng tại phiên toà anh H vẫn vắng mặt.

Tòa án tiến hành làm việc với lãnh đạo UBND thị trấn T, đại diện Hội Liên hiệp Phụ nữ và Trưởng khu A, thị trấn T để xác minh tình trạng hôn nhân của chị N, anh H, đều được cung cấp: Chị N, anh H kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn chị N, anh H sinh sống cùng ông H, bà K (bố mẹ đẻ anh H) ở khu A, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không xảy ra đánh cãi chửi nhau, tuy nhiên đến năm 2017, chị N đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng kết hôn nhiều năm không có con, mặc dù đã chữa trị nhiều nơi nhưng không có kết quả, từ đó mà vợ chồng buồn phiền, chán nản, không quan tâm đến nhau. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, chị N vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Dương Văn H; Vợ chồng không có con chung, tài sản chung nên không xem xét, giải quyết. Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Dương Văn H được Toà án triệu tập đến tham gia phiên toà hợp lệ lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Dương Văn H kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện Tứ Kỳ ngày 25/02/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt. Theo chị N trình bày: anh H hay nghe người khác bàn tán nhiều dẫn đến về nhà thường xuyên có những lời nói xúc phạm chị và đổ lỗi việc vợ chồng không có con là do chị, chị có trao đổi vợ chồng khó đẻ thì đi chữa trị nhưng anh H không quan tâm, bỏ mặc chị chữa trị thế nào thì chữa. Bên cạnh đó anh H là người chơi bời dẫn đến nợ nần nhiều trong khi vợ chồng không xây dựng, kiến thiết được gì nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Theo bà K (mẹ đẻ anh H) cung cấp nguyên nhân là do vợ chồng lấy nhau đã lâu nhưng không có con, chị N khó sinh nở từ đó mà vợ chồng buồn phiền, chán nản, không quan tâm đến nhau. Căn cứ vào các tài liệu Toà án thu thập xác định anh H đã được bà K thông báo về việc Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ đang giải quyết vụ

án ly hôn theo đơn khởi kiện của chị N và bà K đã giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H. Mặc dù anh H biết Toà án đang giải quyết vụ án ly hôn theo yêu cầu của chị N và yêu cầu anh H đến Toà án làm việc theo các văn bản tố tụng đã được giao cho người thân, tuy nhiên anh H vẫn cố tình trốn tránh không hợp tác, không đến Tòa án làm việc và tham gia hòa giải, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án và cũng không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không có chuyển biến theo chiều hướng tích cực, tại phiên tòa, chị N vẫn cương quyết xin ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị N, anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị N được ly hôn anh H là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên Tòa án không phải giải quyết.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị N không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị N khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Dương Văn H.

2. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, theo biên lai số AA/2017/0005051 ngày 18/3/2019.

3. Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND thị trấn T, huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã T, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;